

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2024/DS-ST**

Ngày 08/8/2024.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài
sản; tranh chấp về đòi lại tài sản;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga;

Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; tranh chấp về đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 575/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Mai H**, sinh ngày 22/3/1980;

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quang A**, sinh ngày 15/5/1979;

Địa chỉ: **Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.** Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2023.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc H1**, sinh ngày 03/11/1977;

Địa chỉ: **Tổ D, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Hồ Kim H2**, sinh ngày 28/7/1955; Địa chỉ: **Tổ D, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.** (Mẹ ông **H1**, đã chết ngày 03/4/2023 - sau khi Tòa án thụ lý).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **H2**: Ông **Nguyễn Quốc H1**, sinh ngày 03/11/1977; địa chỉ: **Tổ D, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.**

(Ông **Quang A1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **H1** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2022, ngày 17/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà **Vũ Thị Mai H** do ông **Trần Quang A**, là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Tháng 01/2018, bà **Vũ Thị Mai H** có góp tiền mua chung với ông **Nguyễn Quốc H1** 01 xe ô tô mang nhãn hiệu KIA biển số 60A-449.96, với giá 560.000.000 đồng để chạy dịch vụ và mua theo hình thức trả góp tại **Ngân hàng T2** với thời gian trả là 72 tháng, trả trước 145.000.000 đồng và để mẹ ông **H1** là bà **Hồ Kim H2** đứng tên giùm. Số tiền 145.000.000 đồng trả trước này là tiền của cá nhân bà **H**. Sau khi nhận được xe, bà **H** giao xe cho ông **H1** quản lý và sử dụng. Hàng tháng bà **H** chuyển tiền vào tài khoản đứng tên bà **Hồ Kim H2** tại **Ngân hàng T2** để trả góp và tổng số tiền từ năm 2018 cho đến năm 2020 số tiền là 108.000.000 đồng (có chứng từ sao kê chuyển khoản từ tài khoản của bà **H** tại **Ngân hàng S** đến tài khoản của bà **H2** - đã thanh toán cho ngân hàng xong tiền xe). Đến đầu năm 2020, bà **H** và ông **H1** phát sinh tranh chấp về việc quản lý sử dụng xe, hai bên đã nhiều lần thương lượng nhưng không thành.

Hiện nay chiếc xe trên do ông **H1** quản lý, sử dụng và sau này mẹ ông **H1** là bà **Hồ Kim H2** đã bán chiếc trên và thông tin cho biết ông **Nguyễn Văn N**, địa chỉ: 201 QT, **thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương** là chủ xe hiện nay, nên bà **H** không tranh chấp quyền sở hữu đối với chiếc xe này, bà **H** chỉ yêu cầu ông **H1** thanh toán trả lại cho bà số tiền trả trước mua xe 145.000.000 đồng và 108.000.000 đồng tiền đóng sau khi mua xe thông qua ngân hàng.

- Trong quá trình làm ăn chung (xe dịch vụ), tháng 10/2019, bà **H** có cho ông **H1** mượn thêm chiếc xe Innova biển kiểm soát 60A-584.14, vì ông **H1** nói có khách thuê xe 01 tuần. Tuy nhiên, sau 01 tuần thì bà **H** vẫn chưa thấy ông **H1** đem xe về nên hỏi thì ông **H1** vòng vo, không trả lời rõ ràng. Nghi ngờ có điều bất thường nên bà **H** kiểm tra định vị thì phát hiện xe đang nằm tại **tiệm C1 (thị trấn V)**, bà **H** liên hệ chủ tiệm thì biết được ông **H1** đã cầm xe của bà tại đây với số tiền 150.000.000 đồng. Lo sợ bị mất xe nên bà **H** đã bỏ ra 150.000.000 đồng để chuộc lại xe. Nay bà **H** yêu cầu ông **H1** phải trả lại cho bà số tiền 150.000.000 đồng.

- Ngoài ra, trong thời gian làm ăn chung, ngày 03/5/2019, bà **H** có cho ông **H1** mượn số tiền 47.000.000 đồng và ngày 04/11/2019, cho mượn 50.000.000 đồng (đều không tính lãi) nhưng cho đến nay ông **H1** vẫn chưa hoàn trả lại số tiền nêu trên cho bà **H**.

Ngày 03/4/2023, bà **Hồ Kim H2** (mẹ ông **H1**) đã chết do bị bệnh, nên ông **H1** là người thừa kế và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **H2**, nên ông **H1** phải thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho bà **H**, do gia đình ông **H1** là người đã bán chiếc xe Kia biển số 60A-449.96 lấy tiền mà không trả lại số tiền đã trả góp mua xe của bà **H**.

Nay bà **Vũ Thị Mai H** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền là 253.000.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng) liên quan đến việc hùn tiền

mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96; bao gồm tiền trả trước mua xe 145.000.000 đồng và 108.000.000 đồng tiền đóng sau khi mua xe thông qua ngân hàng.

2. Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **H** số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) bỏ ra chuộc lại xe Innova biển kiểm soát 60A-584.14;

3. Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **H** số tiền nợ vay là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Đối với yêu cầu tại mục 1, ngày 08/11/2023, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền trả trước khi mua xe 145.000.000 đồng và điều chỉnh giảm số tiền 108.000.000 đồng tiền đóng sau khi mua xe thông qua ngân hàng sau khi đối chiếu chứng từ chuyển khoản chỉ còn lại là 90.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà **H** yêu cầu ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả số tiền $90.000.000đ + 150.000.000đ + 97.000.000đ = 337.000.000đ$ (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Ông **Nguyễn Quốc H1** phải chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn **Nguyễn Quốc H1**, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** trong quá trình tham gia tố tụng vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.*

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; ông **Trần Quang A** là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn ông **Nguyễn Quốc H1**, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **Nguyễn Quốc H1**, đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** phải trả lại cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền 337.000.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng) theo yêu cầu và tiền lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả khoản tiền 145.000.000 đồng trả trước khi mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Vũ Thị Mai H** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc cho vay tiền và đòi lại tài sản đối với ông **Nguyễn Quốc H1**; nơi cư trú của ông **H1** tại nhà không số, **tổ D, khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; tranh chấp về đòi lại tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bà **H** ủy quyền cho ông **Trần Quang A**, theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2023. Việc ủy quyền được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông **Trần Quang A** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông **Nguyễn Quốc H1**, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số: 07/TB-TA ngày 19/6/2024; nhưng cho đến nay ông **H1** không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên bà **H** đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hồ Kim H2** (Mẹ ông **H1**, đã chết ngày 03/4/2023 - sau khi Tòa án thụ lý). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết; cha đẻ là ông **Hồ Văn T**, mẹ đẻ là bà **Lê Thị L**, chồng bà **H2** là ông **Nguyễn Văn Kỳ T1**, họ đều chết trước bà **H2**; bà **H2** không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi; con đẻ của bà **H2** là ông **Nguyễn Quốc H1**; do vậy xác định ông **H1** là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **H2** tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện nghĩa vụ của bà **H2** theo quy định của Bộ luật dân sự.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cam kết không có tài liệu, chứng cứ nào khác và tại phiên tòa cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà **Vũ Thị Mai H** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền liên quan đến việc hùn tiền mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96, gồm 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tiền đóng mua xe thông qua ngân hàng; buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **H** số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) bỏ ra chuộc lại xe Innova biển kiểm soát 60A-584.14; buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **H** số tiền nợ vay là 97.000.000đ (**C** mươi bảy triệu đồng).

Tổng cộng, bà H yêu cầu ông Nguyễn Quốc H1 phải trả số tiền 90.000.000đ + 150.000.000đ + 97.000.000đ = 337.000.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông H1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng phía ông H1 không có thiện chí giải quyết. Sự việc phát sinh tranh chấp nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Mai H là có căn cứ, bởi lẽ:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc H1 phải trả lại cho bà Vũ Thị Mai H số tiền liên quan đến việc hùn tiền mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96, gồm 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tiền đóng mua xe thông qua ngân hàng;

Theo hồ sơ sao lục tin báo tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số: 1058/TB-ĐCSHS-KTMT ngày 04/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V thể hiện, ông H1 thừa nhận tháng 01/2018, bà H có bỏ tiền ra mua chiếc xe trên cùng với ông, mẹ ông H1 là bà Hồ Kim H2 đứng tên. Ông H1 cho rằng ông và bà H có sống chung như vợ chồng (bà H không thừa nhận việc sống chung này) nên ông là người sử dụng chiếc xe trên, ông đồng ý trả lại xe cho bà H, ông mong muốn bà H trả cho ông 100.000.000 đồng, nhưng do đang mượn tiền và dùng xe trên để cầm cố ngày 31/10/2019, chưa thể trả lại xe cho bà H. Bà Hồ Kim H2 cũng thừa nhận bà H nhờ bà đứng tên chiếc xe 60A-449.96 trên, xe là của bà H, số tiền mua xe trả góp qua ngân hàng do bà H, ông H1 đóng, bà đồng ý trả lại xe cho bà H, nhưng do H1 nợ nần nhiều nên mượn xe của H chạy một thời gian khi nào có tiền sẽ trả lại xe.

Theo chứng từ sao kê chủ tài khoản là bà Hồ Kim H2 tại Ngân hàng TMCP T3 - Chi nhánh Đ ngày 13/4/2020, thể hiện bà H chuyển đóng tiền mua xe nhiều lần với số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Quá trình sử dụng chiếc xe trên do ông H1 quản lý, sau này đã bán chiếc xe trên và thông tin xác minh cho biết ông Nguyễn Văn N, địa chỉ: 201 QT, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương là chủ xe hiện nay theo Phiếu trả lời xác minh xe ngày 04/6/2024 của Phòng C2 Công an tỉnh Đ, nên bà H không tranh chấp quyền sở hữu đối với chiếc xe này. Bà H chỉ yêu cầu ông H1 trả lại cho bà số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) góp sau khi mua xe thông qua ngân hàng là có cơ sở.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc H1 phải trả lại cho bà H số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) bỏ ra chuộc lại xe Innova biển kiểm soát 60A-584.14 mà bà H đã giao xe cho ông H1 mượn;

Theo hồ sơ sao lục tin báo tại Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số: 1763/TB-ĐTTH ngày 05/8/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V thể hiện, ông H1 thỏa thuận với bà H về việc bà H bỏ tiền chuộc xe về rồi ông H1 sẽ trả lại số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bà H sau, cả hai đồng ý thỏa thuận này. Ông H1 không trả lại tiền cho bà H như cam kết, nên bà H khởi kiện yêu cầu trả lại tiền là đảm bảo quyền lợi theo quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả lại cho bà **H** số tiền nợ vay là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu lãi suất;

Theo chứng từ sao kê chủ tài khoản là bà **Vũ Thị Mai H** tại **Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh Đ - Phòng G** ngày 06/7/2023, thể hiện bà **H** chuyển khoản cho ông **H1** mượn số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) vào ngày 03/5/2019, và số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 04/11/2019. Tổng cộng là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng). Ông **H1** không trả lại tiền vay cho bà **H** theo như yêu cầu, nên bà **H** khởi kiện là đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông **Nguyễn Quốc H1** phải có trách nhiệm trả lại cho bà **H** tổng số tiền 337.000.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng). Bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **H1** phải trả lại tiền và trả nợ vay gốc là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và đã thông báo đầy đủ kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông **Nguyễn Quốc H1** không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt nên xem như đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là mặc nhiên thừa nhận số tiền trên.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc bà **Vũ Thị Mai H** khởi kiện tranh chấp về đòi lại tài sản và tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với ông **Nguyễn Quốc H1** là có cơ sở để chấp nhận.

Ông **H1** phải chịu tiền lãi phát sinh chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Ngày 08/11/2023, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả khoản tiền 145.000.000 đồng trả trước khi mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 210, Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả số tiền 145.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông **Nguyễn Quốc H1** phải nộp án phí số tiền là 16.850.000 đồng (án phí có giá ngạch của số tiền 337.000.000 đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà **Vũ Thị Mai H** do nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vũ Thị Mai H** đối với bị đơn ông **Nguyễn Quốc H1**.

- Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) hùn mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96.

- Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) chuộc lại xe Innova biển kiểm soát 60A-584.14.

- Buộc ông **Nguyễn Quốc H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền nợ vay 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng).

Tổng cộng, ông **Nguyễn Quốc H1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền 337.000.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Vũ Thị Mai H** đối với yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Quốc H1** phải trả số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) trả trước khi mua xe Kia biển kiểm soát 60A-449.96.

3. Về án phí DS-ST: Ông **Nguyễn Quốc H1** phải nộp tiền án phí là 16.850.000đ (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng). Hoàn trả lại cho bà **Vũ Thị Mai H** số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004905 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn